

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

PHẠM HỒNG TRANG

**ĐẠI TỪ NHÂN XUNG VÀ ĐỘNG TỪ TÌNH THÁI ĐƯỢC SỬ
DỤNG NHƯ NHỮNG DẤU HIỆU DỤNG HỌC TRONG CÁC
BÀI DIỄN VĂN NHẠM CHÚC CỦA MỘT SỐ TỔNG THỐNG
MỸ: PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN PHẢN BIỆN**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Mã: 9220201.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hanoi - 2026

Luận án được hoàn thành tại:
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng
2. TS. Huỳnh Anh Tuấn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
vào hồi giờ ngày tháng năm 2026.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU

1.1. Lý do chọn đề tài

Diễn ngôn vốn dĩ luôn có sẵn những hiệu ứng ngữ dụng bất kể hình thức nào (Levinson, 1983; Sperber & Wilson, 2012). Thậm chí những yếu tố tưởng chừng đơn giản trong tiếng Anh, ví dụ như đại từ nhân xưng và động từ khuyết thiếu, lại chứa đựng thái độ của người phát ngôn (Halliday, 1994, 2014; Quirk et.al, 1985; Palmer, 2001; Palmer, 2001; Gardelle & Sorlin, 2015). Vai trò ngữ dụng của chúng thậm chí càng trở nên nổi bật hơn trong các bài chính trị khi ngôn ngữ không chỉ truyền tải thông tin mà còn là công cụ chiến lược kiến tạo hình mẫu lãnh đạo, định hướng hệ tư tưởng và thuyết phục công chúng (Wilson, 1990). Đặc điểm này đặc biệt rõ nét trong các bài diễn văn nhậm chức của tổng thống Mỹ khi họ tuyên bố mình là ai, đại diện cho những giá trị nào và cam kết chính sách gì trong nhiệm kỳ đó.

Điểm mới của nghiên cứu này không nằm ở việc phân tích đơn lẻ từng đại từ nhân xưng hay từng động từ tình thái mà nằm ở việc khám phá sự kết hợp chiến lược giữa chúng, đại từ nhân xưng với động từ tình thái và chính đại từ nhân xưng phối hợp với nhau như là nhóm dấu hiệu ngữ dụng. Khía cạnh này phần lớn chưa được khai thác trong những nghiên cứu trước đây. Bằng cách phân tích toàn bộ hệ thống đại từ nhân xưng cùng một nhóm cụ thể động từ tình thái trong các bài diễn văn nhậm chức của các tổng thống Mỹ, bài nghiên cứu hướng đến việc làm sáng tỏ cách các chính trị gia này sử dụng chiến lược ngôn ngữ để đàm phán các mối quan hệ xã hội, khẳng định quyền lực và dẫn dắt tư tưởng công chúng. Ví dụ, khi chào mừng các vị quan khách cấp cao, tổng thống Trump đã phát biểu, “*We are grateful to President Obama and First Lady Michelle Obama for **their***

gracious aid throughout this transition.” Rõ ràng như thông lệ, các cựu tổng thống sẽ tham dự buổi lễ nhậm chức và như vậy tổng thống Obama cùng phu nhân phải có mặt ở buổi lễ. Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao tổng thống Trump lại gọi vợ chồng tổng thống Obama với ngôi thứ ba “their”, thay vì là ngôi thứ hai “your”. Trường hợp này cùng vô vàn những trường hợp lý thú khác liên quan đến cách sử dụng các đại từ cũng như các động từ tình thái ở các bài diễn văn nhậm chức này đáng được khảo sát kỹ lưỡng và có hệ thống.

Từ những lý do kể trên, tôi quyết định thực hiện luận án của mình với đề tài “Personal Pronouns and Modal Verbs used as Pragmatic Markers in US Presidential Inaugural Speeches: A Critical Discourse Analysis” (*Đại từ nhân xưng và động từ tình thái được sử dụng như những dấu hiệu dụng học trong các bài diễn văn nhậm chức của một số tổng thống Mỹ: Phân tích diễn ngôn phản biện*).

1.2. Research aim, objectives and questions

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu cách các tổng thống Mỹ sử dụng các đại từ nhân xưng và các động từ tình thái như những dấu hiệu dụng học trong các bài diễn văn nhậm chức của họ; nghiên cứu cũng khám phá cách các lựa chọn ngôn ngữ này phản ánh và tái cấu trúc các mối quan hệ xã hội, hoạt động quyền lực và hệ tư tưởng trong các bài diễn ngôn đó.

Để đạt được mục đích tổng quan trên, các mục tiêu cụ thể được triển khai như sau:

1. Xác định đại từ nhân xưng và động từ tình thái được sử dụng nhiều nhất trong các bài diễn văn nhậm chức được chọn.
2. Xác định cách chúng được sử dụng như những dấu hiệu dụng học trong các bài đó.

3. Khám phá cách chúng vừa phản ánh vừa tái cấu trúc các mối quan hệ xã hội, quyền lực và hệ tư tưởng trong các bài diễn văn đó.

Tương ứng với ba mục tiêu cụ thể trên, nghiên cứu nhằm trả lời ba câu hỏi nghiên cứu (CHNC) sau:

CHNC 1: Đại từ nhân xưng nào và động từ tình thái nào được sử dụng nhiều nhất trong các bài diễn văn nhậm chức được chọn?

CHNC 2: Chúng được sử dụng như những dấu hiệu dụng học như thế nào trong các bài đó?

CHNC 3: Chúng phản ánh và tái cấu trúc các mối quan hệ xã hội, quyền lực và hệ tư tưởng như thế nào trong các bài đó?

1.3. Phạm vi nghiên cứu

Trước hết, bài nghiên cứu này giới hạn việc phân tích ở sáu bài diễn văn nhậm chức của các tổng thống Mỹ từ năm 1997 tới 2025. Chúng bao gồm các bài diễn văn nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai của tổng thống Bill Clinton, George W. Bush, và Barack Obama; hai bài của tổng thống Donald Trump; và một bài của tổng thống Joe Biden.

Hơn nữa, nghiên cứu này không nhằm mục đích khám phá tất cả các chức năng ngữ dụng có thể có của các dấu hiệu ngôn ngữ này, tức đại từ nhân xưng và động từ tình thái. Thay vào đó, nó giới hạn phạm vi phân tích ở vai trò của chúng trong việc phản ánh và tái tạo hoạt động quyền lực, mối quan hệ xã hội cùng hệ tư tưởng tại các bài diễn văn nhậm chức này.

1.4. Tầm quan trọng của nghiên cứu

Bài nghiên cứu này đóng góp vào việc hiểu biết về mặt lý thuyết bằng cách xem xét các đại từ nhân xưng và động từ tình thái từ góc độ ngữ dụng thay vì góc độ ngữ pháp truyền thống thuần túy

với ít chức năng ngữ dụng. Mặc dù các đặc điểm ngôn ngữ này được nghiên cứu rộng rãi về cấu trúc và cách sử dụng, vai trò của chúng như là những lựa chọn ngữ dụng có chủ đích vẫn chưa được công nhận một cách rõ ràng trong những nghiên cứu hiện có. Bằng việc tuyên bố rằng chúng là các dấu hiệu ngữ dụng, bài nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ hơn cách ngôn ngữ có thể phản ánh ý định của người nói trong giao tiếp chính trị.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu này hi vọng mang lại những đóng góp có giá trị trong việc giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt những học phần có liên quan như Ngữ pháp chức năng, Phân tích diễn ngôn phê phán, Nghệ thuật nói trước công chúng, Quan hệ công chúng, và Dịch thuật. Việc nhận diện tác động dụng học của những lựa chọn ngôn ngữ này có thể giúp giảng viên định hướng sinh viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp hơn với ngữ cảnh. Hơn nữa, nghiên cứu cũng có thể mang lại những gợi mở cho chính giảng viên trong giao tiếp lớp học, nơi việc cân bằng giữa quyền uy và sự gắn kết với sinh viên là điều thiết yếu. Hiểu được cách ngôn ngữ vừa có thể biểu đạt quyền lực vừa xây dựng sự gần gũi, một khía cạnh thường bị bỏ qua trong thực tiễn sư phạm, có thể góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy.

1.5. Phương pháp

Luận án sử dụng đường hướng phân tích diễn ngôn định tính với nền tảng là hệ hình diễn giải. Mặc dù trọng tâm nghiên cứu là định tính nhưng các công cụ định lượng vẫn được sử dụng để hỗ trợ và làm phong phú thêm quá trình diễn giải. Cụ thể, nhà nghiên cứu xác định tần suất xuất hiện cũng như những mẫu nổi bật của các dấu hiệu ngữ dụng này, cụ thể là đại từ nhân xưng và động từ tình thái, để thấy được chúng có thể phản ánh và tái cấu trúc hệ tư tưởng, các mối quan hệ xã hội và hoạt động quyền lực trong các bài diễn văn nhậm chức này như thế nào. Các phát hiện

định lượng không được sử dụng để kiểm chứng giả thuyết mà thay vào đó được dùng để minh họa và phụ trợ cho quá trình định tính. Các kỹ thuật mô tả, thay thế, so sánh đối chiếu được sử dụng để diễn giải và giải thích dữ liệu trong bối cảnh chính trị xã hội rộng lớn hơn.

1.6. Cấu trúc luận án

Luận án này bao gồm sáu chương: Giới thiệu, Tổng quan tài liệu, Phương pháp luận, Việc sử dụng đại từ nhân xưng và động từ tình thái trong các bài diễn văn nhậm chức của các tổng thống Mỹ, Sự phối hợp giữa các đại từ nhân xưng và động từ tình thái trong các bài diễn văn nhậm chức này, và Kết luận.

CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Chương này đánh giá các góc nhìn khác nhau về các khái niệm cốt lõi của luận án và cung cấp cái nhìn tổng quan về các nghiên cứu có liên quan để xác định khoảng trống nghiên cứu.

2.1. Phân tích diễn ngôn phê phán (PTDNPP)

PTDNPP là một đường hướng liên ngành coi ngôn ngữ là một loại hình thực tiễn xã hội, đặc biệt trong các bối cảnh mà diễn ngôn đóng vai trò tái tạo, chính danh hóa hoặc thách thức các mối quan hệ quyền lực, các cấu trúc tư tưởng và sự bất bình đẳng xã hội (Fairclough, 1989). Dựa trên lý thuyết ngôn ngữ và xã hội, PTDNPP coi ngôn ngữ như một công cụ mà thông qua đó các thực tại xã hội được kiến tạo và tái tạo thay vì chỉ là công cụ giao tiếp đơn thuần. PTDNPP đã được hình thành và phát triển qua nhiều thập kỷ và trở thành một lĩnh vực đa dạng, với những đóng góp nổi bật từ các học giả tên tuổi như Norman Fairclough, Teun A. van Dijk, and Ruth Wodak. Mặc dù ba đường hướng nghiên cứu của họ có những giá trị học thuật riêng, bài nghiên cứu này lựa chọn **sử dụng khung PTDNPP của Fairclough làm khung**

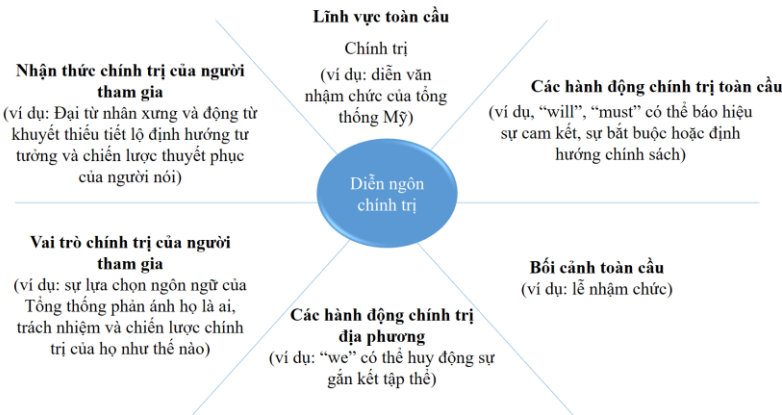
Lý thuyết chính vì độ hiệu quả, chiều sâu cũng như sự phù hợp của nó đối với mục đích của bài nghiên cứu, tức là khám phá cách các dấu hiệu diễn ngôn trong các bài diễn văn nhậm chức của các tổng thống Mỹ được sử dụng như các công cụ ngôn ngữ để thể hiện và tái tạo các mối quan hệ xã hội, quyền lực và hệ tư tưởng.

2.2. Diễn ngôn chính trị

2.2.1. Các vấn đề chính trong diễn ngôn chính trị

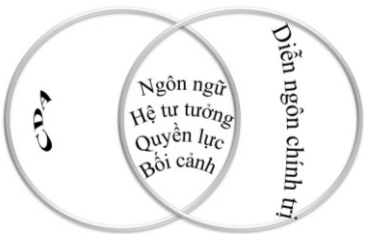
Hình 2.1

Các đặc điểm chính của diễn ngôn chính trị (tiếp thu và điều chỉnh từ Van Dijk, 2010, trích dẫn trong Dahnilyah, 2017, tr.63)



Hình 2.2

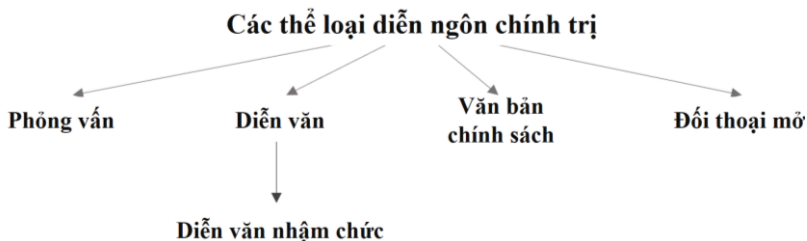
Sự giao thoa giữa Phân tích diễn ngôn phê phán (CDA) và Diễn ngôn chính trị



2.2.2. Các thể loại diễn ngôn chính trị

Hình 2.3

Các thể loại diễn ngôn chính trị (tiếp thu từ Fairclough, 2006)

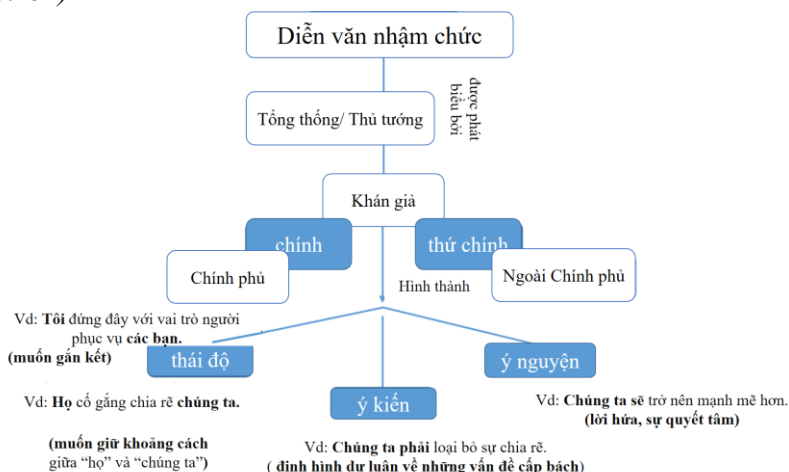


2.2.3. Diễn văn nhậm chức

Diễn văn nhậm chức là một thể loại đặc thù của diễn ngôn chính trị, được định nghĩa là bài phát biểu do tổng thống hoặc thủ tướng trình bày “khi bắt đầu nhiệm kỳ của họ” (Campbell & Jamieson, 1985, p.14). Đối với các tổng thống Mỹ, cứ bốn năm một lần, bài diễn văn này lại được thực hiện để đánh dấu sự chuyển giao quyền lực và là cơ hội để người đứng đầu mới “định hình phong cách cho nhiệm kỳ tổng thống của mình” (Windt, 1990, p.35).

Hình 2.4

Diễn văn nhậm chức (tiếp thu và điều chỉnh từ Reisigl, 2008, p.252)



2.3. Dấu hiệu dụng học

Có thể khẳng định rằng hiện chưa có sự nhất quán về việc sử dụng thuật ngữ cũng như định nghĩa cho khái niệm này. Để phù hợp với mục tiêu tổng thể của nghiên cứu, định nghĩa về “dấu hiệu ngữ dụng” được sử dụng trong luận án này nhất quán với quan điểm của Fraser và Yule, theo đó chúng “báo hiệu những ý định giao tiếp tiềm năng của người nói” (Fraser, 1996, p. 323). Ngoài ra, để làm rõ những ý định ngữ dụng đằng sau sự lựa chọn ngôn ngữ của các tổng thống, ví dụ như đại từ nhân xưng và động từ tình thái, thuật ngữ “pragmatic markers” được sử dụng trong nghiên cứu này bởi nó bao trùm phạm vi rộng lớn các chức năng và hình thức được mô tả trong các nghiên cứu cũng như phù hợp với mục đích của bài nghiên cứu này.

Mặc dù các học giả có những phân loại khác nhau về dấu hiệu ngữ dụng, họ đều đồng tình rằng những dấu hiệu này được sử dụng để báo hiệu thái độ và ý định giao tiếp của người nói. Dựa trên nền tảng lý thuyết có liên quan đã được thiết lập, bài nghiên cứu này đề xuất một sơ đồ về bản chất của dấu hiệu ngữ dụng trong diễn ngôn chính trị.

Hình 2.8

Đề xuất về bản chất dấu hiệu ngữ dụng trong diễn ngôn chính trị

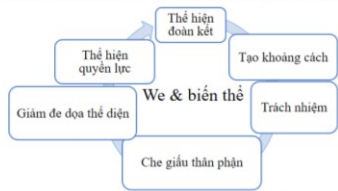


Đại từ nhân xưng tiếng Anh như những dấu hiệu dụng học

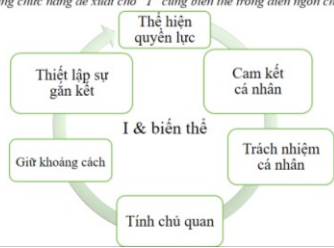
Đại từ nhân xưng được xem như những dấu hiệu dụng học bởi vai trò của nó trong việc báo hiệu ý đồ ngữ dụng của người nói. Thứ nhất, chúng truyền tải thái độ, quan điểm, mục tiêu giao tiếp của người nói trong diễn ngôn (Brown & Gilman, 1960; Maitland & Wilson, 1987; Wilson, 1990; Fraser, 1990). Tiếp theo, chúng đóng vai trò thiết yếu trong việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội (Brown & Wilson, 1987; Fairclough, 1989; Wilson, 1990; Pennycook, 1994). Cuối cùng, chúng góp phần đáng kể vào tính liên kết và mạch lạc của diễn ngôn nhờ khả năng diễn giải và hiệu quả trong giao tiếp giữa người nói và người nghe. Do đó, đại từ nhân xưng cùng biến thể của chúng được xem như những dấu hiệu ngữ dụng có giá trị bởi chúng thể hiện ý định của người nói một cách hiệu quả. Như Benveniste đã nói, đại từ nhân xưng được đặt ở “vị trí trung tâm của lý thuyết ngữ dụng bởi chúng được mô tả là những dấu hiệu rỗng và chỉ được lấp đầy khi sử dụng trong diễn ngôn thực tế (Benveniste, 1971, được De Fina, 1995 trích dẫn ở trang 380).

Dựa trên nền tảng lý thuyết, nhà nghiên cứu đề xuất các khung chức năng cho việc sử dụng đại từ nhân xưng trong diễn ngôn chính trị.

Hình 2.16
 Khung chức năng để xuất cho “we” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị



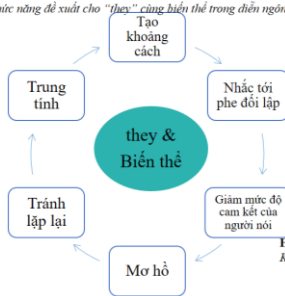
Hình 2.17
 Khung chức năng để xuất cho “I” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị



Hình 2.20
 Khung chức năng để xuất cho “you” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị



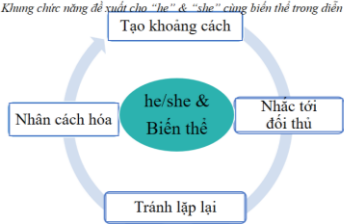
Hình 2.22
 Khung chức năng để xuất cho “they” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị



Hình 2.24
 Khung chức năng để xuất cho “it” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị



Hình 2.23
 Khung chức năng để xuất cho “he” & “she” cùng biến thể trong diễn ngôn chính trị

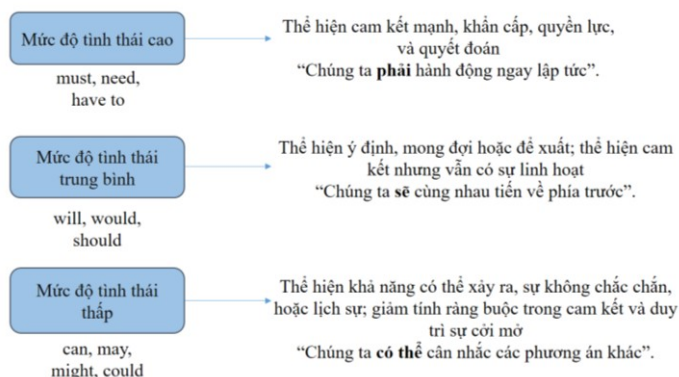


Động từ tình thái tiếng Anh như những dấu hiệu dụng học

Động từ tình thái, vốn được nghiên cứu dưới góc độ ngữ pháp và ngữ nghĩa, cũng nên được xem là dấu hiệu ngữ dụng bởi những chức năng ngữ dụng quan trọng của chúng. Trước hết, động từ tình thái thể hiện mức độ cam kết, sự chắc chắn và quyền lực của người nói, vốn là những yếu tố trung tâm trong việc diễn giải ngữ dụng. Hơn nữa, các hàm ý ngữ dụng của chúng phụ thuộc mạnh mẽ vào ngữ cảnh; chẳng hạn, cùng một động từ tình thái “will” có thể biểu thị sự cam kết trong ngữ cảnh này nhưng lại là sự dự đoán trong ngữ cảnh khác. Điều này hoàn toàn được quyết định bởi tình huống giao tiếp và ý định của người nói, hai yếu tố cốt lõi của lý thuyết về ngữ dụng học (Yule, 2020). Do đó, chúng cần được công nhận là những dấu hiệu ngữ dụng.

Hình 2.29

Các chức năng ngữ dụng của động từ tình thái tiếng Anh trong diễn ngôn chính trị (tiếp thu từ Halliday & Hasan, 1989; Fairclough, 1995; Chilton 2004)



2.4. Khung lý thuyết của bài nghiên cứu hiện tại

Như đã đề cập trước đó, nghiên cứu này sử dụng CDA của Fairclough làm khung lý thuyết. Mô hình của ông được coi là phù hợp nhất để trả lời ba câu hỏi nghiên cứu, vì nó kết hợp ba tầng phân tích một cách có hệ thống: (1) tầng phân tích văn bản, giúp

nhà nghiên cứu trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ nhất liên quan đến đại từ nhân xưng và động từ tình thái được sử dụng thường xuyên nhất; (2) tầng thực hành diễn ngôn, cho phép trả lời câu hỏi thứ hai về việc chúng được sử dụng như những dấu hiệu ngữ dụng như thế nào; và (3) tầng thực hành xã hội, giúp nhà nghiên cứu trả lời câu hỏi thứ ba về cách chúng phản ánh và tái tạo các mối quan hệ xã hội, quyền lực và ý thức hệ trong các bài diễn văn được chọn.

2.5. Các nghiên cứu trước đây và khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu trước đã bàn về vai trò của đại từ nhân xưng và động từ tình thái trong diễn ngôn chính trị nhưng vẫn còn tồn tại một số khoảng trống đáng chú ý. Phần lớn các nghiên cứu hiện có chủ yếu xem xét những đặc điểm ngôn ngữ này từ góc độ ngữ pháp mà ít chú ý đến các chức năng ngữ dụng của chúng. Hơn nữa, gần như không có nghiên cứu nào về sự tương tác giữa các đại từ nhân xưng, đặc biệt liên quan đến cách các tổng thống sử dụng chúng để báo hiệu ý định ngữ dụng trong các mối quan hệ xã hội và quyền lực. Do đó, những khoảng trống này nhấn mạnh sự cần thiết về việc phải có những bài nghiên cứu sâu hơn về đại từ nhân xưng và động từ tình thái như những dấu hiệu ngữ dụng trong các diễn văn nhậm chức của tổng thống Mỹ, đặc biệt về sự kết hợp giữa các dấu hiệu này. Nghiên cứu như vậy sẽ làm sáng tỏ cách các tổng thống triển khai các lựa chọn ngôn ngữ một cách chiến lược nhằm phản ánh và tái tạo quyền lực, quan hệ xã hội và ý thức hệ.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Chương này trình bày phương pháp luận được sử dụng trong nghiên cứu này. Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính theo hệ hình diễn giải với CDA là phương pháp nghiên cứu chính.

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Hình 3.1

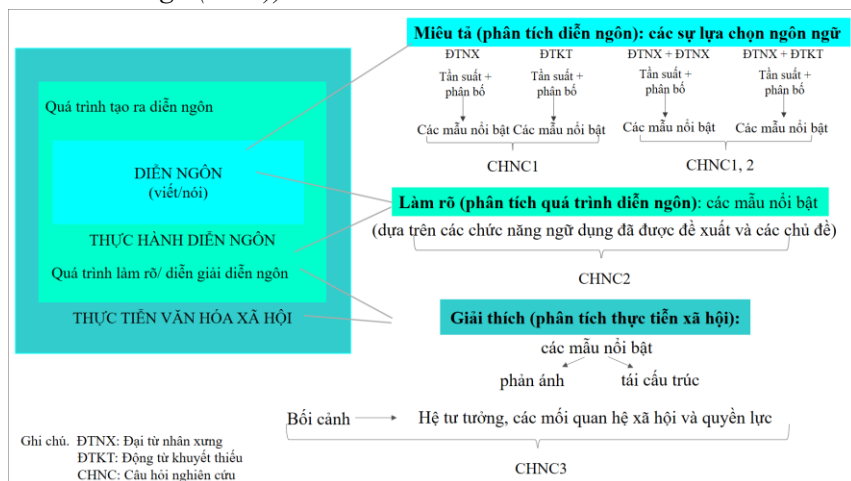
Thiết kế nghiên cứu của bài hiện tại

văn bản đã được điều chỉnh cho phù hợp. Thay vì áp dụng một cách máy móc toàn bộ mười câu hỏi do Fairclough đề xuất, vốn bao quát nhiều hiện tượng ngôn ngữ, nghiên cứu này tiến hành phân tích mô tả có trọng tâm. Phân tích tập trung vào (1) tần suất sử dụng đại từ nhân xưng và động từ tình thái, và (2) việc xác định các mẫu nổi bật trong cách sử dụng chúng, bao gồm cả riêng lẻ và kết hợp với các dấu hiệu ngữ dụng khác. Các dữ liệu định lượng và các mẫu nổi bật này là cơ sở cho việc diễn giải ở tầng thứ 2 trong khung của Fairclough, nơi xem xét việc sử dụng các mẫu nổi bật như dấu hiệu ngữ dụng, và ở tầng thứ 3, nơi khám phá và lý giải các hệ tư tưởng cũng như khả năng thách thức các cấu trúc xã hội và quyền lực hiện hữu.

3.4. Khung phân tích của nghiên cứu hiện tại

Hình 3.3

Khung phân tích của nghiên cứu hiện tại (điều chỉnh từ khung của Fairclough (1992))



CHƯƠNG 4. VIỆC SỬ DỤNG CÁC ĐẠI TỪ NHÂN XUNG VÀ ĐỘNG TỪ TÌNH THÁI TRONG CÁC BÀI DIỄN VĂN NHẠM CHỨC CỦA TỔNG THỐNG MỸ

Chương này trả lời cho **câu hỏi nghiên cứu thứ nhất** bằng cách xác định đại từ nhân xưng và động từ tình thái được sử dụng nhiều nhất và **câu hỏi nghiên cứu thứ hai** bằng việc tìm hiểu cách chúng được sử dụng như những dấu hiệu dụng học trong các bài diễn văn được chọn.

Trước hết, các phát hiện cho thấy đại từ “we” cùng biến thể của nó (“us”, “our”, “ours”, “ourselves”) được sử dụng nhiều nhất bởi tất cả các tổng thống ở hầu hết các chủ đề trong các bài. Tuy nhiên, số liệu thống kê chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan ban đầu về xu hướng ngôn ngữ. Tầng phân tích tiếp theo tiết lộ rằng các đại từ không chỉ đơn giản là các công cụ liên kết thuần túy; chúng đóng vai trò như những công cụ chiến lược báo hiệu hệ tư tưởng, đàm phán các mối quan hệ xã hội và tăng cường quyền lực, là cơ sở cho việc giải quyết câu hỏi nghiên cứu thứ 3.

Một phát hiện nổi bật khác liên quan đến việc sử dụng đại từ “she” và các biến thể của nó, cho thấy sự thay đổi tiến bộ hướng tới vấn đề giới đồng thời thách thức các chuẩn mực đại từ truyền thống. Những phát hiện này, dưới lăng kính Phân tích diễn ngôn phê phán, khẳng định rằng chương này đã đóng góp câu trả lời cho **hai câu hỏi nghiên cứu đầu tiên** liên quan đến việc sử dụng đại từ nhân xưng trong các bài diễn văn được chọn.

Các kết quả cũng cho thấy “will” và “must” là những động từ tình thái được sử dụng thường xuyên nhất, trong đó “will” luôn được ưu tiên bất kể ngữ cảnh hay chủ đề. Nói cách khác, điều này hoàn tất câu trả lời cho **câu hỏi nghiên cứu đầu tiên**.

CHƯƠNG 5. SỰ TƯƠNG TÁC CỦA ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG VÀ ĐỘNG TỪ TÌNH THÁI TRONG CÁC BÀI DIỄN VĂN CỦA TỔNG THỐNG MỸ

Chương này nhằm hoàn thiện **câu hỏi nghiên cứu thứ hai** liên quan đến việc phối hợp giữa các dấu hiệu ngữ dụng, cụ thể là đại từ nhân xưng kết hợp với nhau và với động từ tình thái, đồng thời giải quyết **câu hỏi nghiên cứu thứ ba** bằng việc xem xét cách các Tổng thống Mỹ kết hợp chúng như những dấu hiệu ngữ dụng trong các bài diễn văn nhậm chức được chọn để phản ánh và tái tạo các mối quan hệ xã hội, hoạt động quyền lực, cũng như hệ tư tưởng trong các bài diễn văn đó.

Những kết hợp được phân tích ở đây đã cho thấy vai trò quan trọng của chúng trong việc truyền tải các ý định khác nhau của các tổng thống. Đôi lúc chúng được sử dụng để thể hiện sự chân thành, nuôi dưỡng niềm tin và củng cố mối quan hệ giữa tổng thống và người dân; đôi lúc chúng lại khẳng định quyền uy của tổng thống, ví dụ như sự kết hợp “I will”. Tương tự, “we will” đôi khi kêu gọi cam kết tập thể đôi khi lại trao quyền cho người dân. Ngược lại, “we must” thường thể hiện một nghĩa vụ không thể chối từ, trong khi “we can” gợi lên hy vọng. Hơn nữa, kết quả cũng có thể cho thấy, thậm chí còn rõ ràng hơn, sự tái định nghĩa vai trò và hoạt động quyền lực, chẳng hạn như “we need” và “you will”.

Phân tích này chứng minh rằng, nếu không có lăng kính diễn ngôn, những chức năng không ngờ tới của các đại từ và động từ tình thái này sẽ vẫn còn là ẩn số. Theo đó, các phân tích trong hai phần này đã hoàn thành **câu hỏi nghiên cứu thứ hai**, liên quan đến cách đại từ nhân xưng và động từ tình thái được sử dụng như những dấu hiệu ngữ dụng trong các bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Mỹ. Đồng thời, nó cũng là cơ sở cho phần tiếp theo, tức **câu hỏi nghiên cứu số ba**, khám phá lý do đằng sau những sự lựa chọn ngôn ngữ này.

Nghiên cứu cũng cho thấy hệ tư tưởng chính trị của các tổng thống được phản ánh rõ rệt trong cách họ sử dụng động từ tình thái. Phát hiện này ủng hộ kết luận của Nguyễn Thị Thanh Thanh (2023) và Kantorgorje et al. (2021), nhưng lại mâu thuẫn với Addae et al. (2023), khi họ cho rằng việc sử dụng động từ tình thái, cùng với đại từ nhân xưng và câu hỏi tu từ, có xu hướng làm mờ đi hệ tư tưởng chính trị. Hơn nữa, trái với kết quả nghiên cứu của Ekawati (2019) và Lu (2022), nghiên cứu này cho thấy “will” là động từ tình thái được ưa chuộng nhất trong số tất cả các tổng thống, đặc biệt khi kết hợp với đại từ “we.” Sự kết hợp này đã kiến tạo một hình ảnh thống nhất, trong đó ý nguyện của tổng thống hòa hợp với khát vọng của người dân, đồng quan điểm với Ekawati (2019).

Ngoài ra, phân tích cho thấy sự tương tác giữa những lựa chọn ngôn ngữ này, chẳng hạn như “I-you”, “I-we”, “we-they”, “I will”, “we will”, và “we must”, đảm nhiệm nhiều chức năng ngữ dụng khác nhau, từ việc thúc đẩy tinh thần đoàn kết và niềm tin đến việc khẳng định quyền lực và huy động hành động tập thể.

Mặc dù cá nhân các tổng thống và các đảng phái chính trị thể hiện sự khác biệt trong phong cách tu từ và trọng tâm nhưng xu hướng chính lại rất rõ ràng: đại từ nhân xưng và động từ tình thái không chỉ đơn thuần là những đơn vị ngữ pháp mà còn là công cụ chiến lược để đàm phán các mối quan hệ xã hội, tái tạo quyền lực, và củng cố hệ tư tưởng.

Tóm lại, những lựa chọn ngôn ngữ này đã chủ động phản ánh và tái tạo các mối quan hệ xã hội, hoạt động quyền lực, cũng như hệ tư tưởng trong các bài diễn văn được chọn, qua đó cung cấp câu trả lời toàn diện cho **cả ba câu hỏi nghiên cứu.**

CHƯƠNG 6. KẾT LUẬN

Chương này cung cấp cái nhìn tổng quan về nghiên cứu và tóm tắt những phát hiện chính bằng cách trả lời ba câu hỏi nghiên cứu

đã nêu. Nó cũng thảo luận về những hàm ý, hạn chế và đưa ra một số gợi ý cho các nghiên cứu trong tương lai.

6.1. Những phát hiện chính

Nghiên cứu đã khám phá việc sử dụng đại từ nhân xưng và động từ tình thái như những dấu hiệu ngữ dụng trong các bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Mỹ, tập trung vào cách những lựa chọn ngôn ngữ này phản ánh và tái cấu trúc hệ tư tưởng, các mối quan hệ xã hội, và quyền lực. Các phát hiện khẳng định rằng những yếu tố ngôn ngữ này không chỉ đơn thuần đóng vai trò ngữ pháp mà còn là công cụ chiến lược được các Tổng thống sử dụng để đạt được những mục tiêu chính trị đa dạng. Những phát hiện chính này được trình bày như sau.

Trước hết, nghiên cứu cho thấy rằng các đại từ “we/us/our/ours/ourselves” luôn được sử dụng thường xuyên nhất bởi tất cả các tổng thống, thậm chí vượt qua cả “I/me/my/mine/myself”, bất chấp sự thật rằng diễn văn nhậm chức vốn là thể loại gắn liền với tiếng nói cá nhân của tổng thống. Phát hiện này phần nào giải quyết câu hỏi nghiên cứu thứ nhất liên quan đến đại từ nhân xưng được ưa chuộng nhất.

Tiếp đó, các kết quả cho thấy “will” và “must” là những động từ tình thái được sử dụng nhiều nhất trong số tất cả các tổng thống, trong đó “will” luôn chiếm ưu thế bất kể ngữ cảnh hay chủ đề.

Các phát hiện tiếp theo đã xác định bảy sự kết hợp nổi bật, cụ thể là “I will”, “we will”, “we must”, “we can”, “we cannot”, “we need”, và “you will”. Những mẫu này cho thấy rõ tầm quan trọng của chúng trong việc truyền tải các ý định đa dạng của tổng thống.

Sự vắng mặt của “I must” trong tất cả các bài diễn văn là một điểm đặc biệt đáng chú ý, qua đó cho thấy những lựa chọn ngôn ngữ có tính chủ ý chứ không phải ngẫu nhiên. Những chức năng ngữ dụng bất ngờ của các sự kết hợp này có thể sẽ không được

sáng tỏ nếu không được diễn giải qua lăng kính thực hành diễn ngôn trong CDA. Góc nhìn này cho phép tiết lộ những hàm ý sâu xa hơn của chúng.

Do đó, các phát hiện này đã cung cấp câu trả lời toàn diện cho câu hỏi nghiên cứu thứ nhất và thứ hai liên quan đến những động từ tình thái được sử dụng thường xuyên nhất và cách chúng được các Tổng thống Mỹ vận dụng trong các bài diễn văn nhậm chức được chọn. Hơn nữa, chúng còn đóng góp đáng kể vào việc giải quyết câu hỏi nghiên cứu thứ ba bằng cách chứng minh cách những lựa chọn ngôn ngữ này tương tác với nhau nhằm phản ánh và tái cấu trúc các mối quan hệ xã hội, quyền lực, và hệ tư tưởng trong diễn ngôn.

Cuối cùng, tăng thực hành xã hội đã khám phá việc tương tác giữa đại từ nhân xưng và động từ tình thái đóng vai trò như những công cụ chiến lược để phản ánh và tái tạo các mối quan hệ xã hội, quyền lực, và hệ tư tưởng trong các bài diễn văn được chọn.

Xét về các mối quan hệ xã hội, những lựa chọn đại từ này đã định hình và tái định hình ranh giới của sự bao gồm và loại trừ, biến những chia rẽ tiềm ẩn thành công cụ tu từ nhằm thúc đẩy tinh thần đoàn kết, và ngược lại. Ví dụ, sự mơ hồ có tính chiến lược của “we” cho phép các tổng thống linh hoạt mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi trách nhiệm, từ đó tái định hình bản sắc tập thể. Theo đó, năm mẫu nổi bật đã được xác định, bao gồm “I-you”, “I-we-you”, “I-we”, “we-you”, và “we-they”. Điều thú vị là những sự kết hợp tưởng chừng tạo ra khoảng cách giữa người nói, tức tổng thống và/hoặc chính quyền, và người nghe, tức nhân dân, chẳng hạn như “I-you”, “I-we-you”, “we-you”, và “we-they”, lại thường xuyên được sử dụng để thúc đẩy sự gắn kết và thống nhất, đặc biệt là “we-they”.

Xét về hoạt động quyền lực, sự kết hợp tưởng chừng tuy hai mà một “I-we” lại đóng vai trò kiến tạo và củng cố quyền uy to lớn của tổng thống. Các phát hiện cũng cho thấy có sự sắp xếp có chủ

đích giữa động từ tình thái và đại từ nhân xưng, điển hình là “I will” xuất hiện trước “we will”. Chiến lược này đã làm mờ đi ranh giới giữa lý tưởng dân chủ và quyền lực tập trung, biến ý chí cá nhân thành ý chí tập thể của cả nước. Cách sử dụng ngôn ngữ này minh họa cho việc quyền lực được củng cố trong khi vẫn thể hiện rằng họ đang hòa nhập với người dân.

Từ góc độ hệ tư tưởng, những đại từ như “she” mang ý nghĩa biểu tượng vượt ra ngoài chức năng ngữ pháp. Chúng phản ánh các giá trị tiền bộ, đồng thời thách thức tư tưởng truyền thống trọng nam khinh nữ. Tương tự, việc sử dụng linh hoạt đại từ “we” cũng góp phần kiến tạo sự đoàn kết hoặc tăng cường ranh giới giữa “chúng ta” với “họ”.

Thông qua những lựa chọn ngôn ngữ có chủ đích này, diễn ngôn không chỉ phản ánh mà còn chủ động tái cấu trúc các mối quan hệ xã hội, tái phân phối quyền lực, và củng cố hệ tư tưởng; do đó, nghiên cứu đã đạt được mục tiêu tổng thể và đưa ra câu trả lời toàn diện cho cả ba câu hỏi nghiên cứu.

6.2. Ý nghĩa của nghiên cứu

Dựa trên mục tiêu nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ cách các lựa chọn ngôn ngữ phản ánh và tái tạo các mối quan hệ xã hội, hoạt động quyền lực, và hệ tư tưởng, các kết quả chứa nhiều ý nghĩa quan trọng, được trình bày dưới góc độ đóng góp, ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn.

Đóng góp của nghiên cứu

Nghiên cứu này đã giải quyết một số khoảng trống nghiên cứu đáng chú ý. Thứ nhất, trong khi nhiều nghiên cứu trước đã xem xét kỹ lưỡng đại từ nhân xưng và động từ tình thái từ góc độ ngữ pháp, nghiên cứu này nhấn mạnh vào chức năng ngữ dụng của chúng, cụ thể là cách những lựa chọn ngôn ngữ này hoạt động như những dấu hiệu ngữ dụng trong diễn ngôn chính trị. Hy vọng rằng nghiên cứu này đã cung cấp lời giải thích toàn diện hơn về cách các đại từ nhân xưng và động từ tình thái khác nhau được

vận dụng ngữ dụng trong các bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Mỹ.

Thứ hai, nghiên cứu đã khám phá sự tương tác giữa các đại từ nhân xưng, chẳng hạn như “I-you”, “I-we-you”, “I-we”, “we-you”, và “we-they”. Kết quả cho thấy những sự kết hợp này đã được sử dụng một cách có chiến lược để kiến tạo các mối quan hệ xã hội và đàm phán quyền lực. Khía cạnh này chưa từng được nghiên cứu đầy đủ trong các công trình trước đây, vốn thường phân tích đại từ một cách riêng lẻ thay vì kết hợp.

Nhìn chung, những lựa chọn ngôn ngữ của các tổng thống không chỉ phản ánh chiến lược tu từ cá nhân mà còn thể hiện rõ lập trường chính trị của họ. Các phát hiện này càng nhấn mạnh ý nghĩa ngữ dụng của đại từ nhân xưng và động từ tình thái, cả khi chúng được sử dụng riêng lẻ lẫn khi kết hợp.

Ý nghĩa về mặt lý thuyết

Về mặt lý thuyết, nghiên cứu này định vị đại từ nhân xưng và động từ tình thái không chỉ đơn thuần là những đơn vị ngữ pháp, mà còn là các dấu hiệu ngữ dụng có chức năng chủ động kiến tạo ý định trong diễn ngôn chính trị. Quan trọng hơn, nghiên cứu nhấn mạnh cách kết hợp có tính chiến lược giữa các dấu hiệu này, chẳng hạn như sự tương tác giữa đại từ nhân xưng và tình thái, đã giúp đàm phán quyền lực, thiết lập sự gắn kết, tạo khoảng cách giữa người nói và người nghe, cũng như kiến tạo hệ tư tưởng. Sự phối hợp giữa các lựa chọn ngôn ngữ này cho thấy quyền lực không được khẳng định một cách tĩnh tại, mà được thực thi và đàm phán thông qua diễn ngôn. Những phát hiện như vậy đã đóng góp vào phân tích diễn ngôn phê phán bằng việc cung cấp sự hiểu biết phức tạp hơn về cách các đặc điểm ngôn ngữ đó tham gia vào thực hành xã hội.

Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu này đóng góp những ý nghĩa quan trọng cho việc giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt trong các học phần liên quan như Ngữ pháp chức năng, Phân tích diễn ngôn phê phán, Nghệ thuật nói trước công chúng, Quan hệ công chúng,

cũng như Dịch thuật. Bằng cách vận dụng hiệu ứng ngữ dụng của đại từ nhân xưng và động từ tình thái, cả riêng lẻ và kết hợp, các phát hiện có thể hỗ trợ giảng viên trong việc định hướng sinh viên sử dụng những lựa chọn ngôn ngữ này một cách phù hợp và hiệu quả. Nhận ra cách các sự lựa chọn ngôn ngữ này vừa có thể khẳng định quyền lực vừa tăng cường sự kết nối càng làm tăng độ hiệu quả sư phạm cũng như tư duy phản biện về ngôn ngữ.

Tóm lại, những hàm ý này củng cố lập luận trung tâm của nghiên cứu rằng ngôn ngữ trong diễn ngôn chính trị không phải là một phương tiện trung lập, mà là một công cụ chiến lược để thực thi hệ tư tưởng, các mối quan hệ xã hội và quyền lực, qua đó hoàn thành mục tiêu tổng thể của nghiên cứu này.

6.3. Hạn chế

Thứ nhất, phân tích hiện tại tập trung vào những mẫu nổi bật nhất được xác định trong tầng văn bản và thực hành diễn ngôn, mà chưa bao quát tất cả các mẫu. Điều này có nghĩa là những hiện tượng ngôn ngữ tiềm ẩn quan trọng khác liên quan đến những mẫu còn lại vẫn chưa được khám phá.

Tiếp đó, nghiên cứu chỉ tập trung vào ngôn ngữ lời nói. Các hình thức giao tiếp phi ngôn ngữ, chẳng hạn như ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm nét mặt, hoặc đặc điểm ngữ điệu, cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo bản sắc của tổng thống và truyền tải hệ tư tưởng của họ. Việc thiếu vắng các yếu tố này là một hạn chế trong việc nắm bắt đầy đủ phổ chiến lược giao tiếp. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, mặc dù sáu bài diễn văn nhậm chức đảm bảo một tập dữ liệu đa dạng cho luận án, nhưng điều đó cũng đồng nghĩa với việc độ sâu phân tích cho từng bài diễn văn riêng lẻ có thể bị hạn chế.

6.4. Gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo

Dựa trên những hạn chế đã được thừa nhận ở trên, các nghiên cứu trong tương lai có thể theo nhiều hướng để đào sâu và mở

rộng sự hiểu biết về các dấu hiệu ngữ dụng trong diễn ngôn chính trị.

Thứ nhất, trong khi nghiên cứu này tập trung vào các mẫu nổi bật được xác định ở cấp độ văn bản và thực hành diễn ngôn, các nghiên cứu tiếp theo có thể hướng tới việc phân tích toàn diện tất cả các mẫu đã được nhận diện. Việc khảo sát toàn bộ tập dữ liệu, bao gồm cả những mẫu ít nổi bật hơn, có thể làm sáng tỏ những hệ tư tưởng tiềm ẩn khác và gợi ý cách quyền lực và các mối quan hệ xã hội được kiến tạo và tái tạo một cách linh hoạt hơn.

Thứ hai, các dấu hiệu phi ngôn ngữ như cử chỉ, biểu cảm nét mặt, và đặc điểm ngữ điệu có thể được đưa vào phân tích để làm phong phú thêm kết quả. Những yếu tố này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thêm các ý định, đặc biệt trong các bài diễn văn chính trị, và việc đưa chúng vào sẽ giúp nắm bắt đầy đủ phổ chiến lược giao tiếp.

Cuối cùng, các nghiên cứu trong tương lai có thể xem xét việc thu hẹp phạm vi để tập trung chuyên sâu vào một hoặc hai bài diễn văn nhậm chức, từ đó cho phép phân tích vi mô ở mức độ sâu hơn. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu có thể khám phá những thể loại diễn văn chính trị khác, chẳng hạn như diễn văn vận động tranh cử, họp báo, hoặc tranh luận, để điều tra xem liệu các chiến lược ngữ dụng tương tự có tiếp tục tồn tại hay thay đổi trong những bối cảnh giao tiếp khác nhau.

6.5. Lời kết

Nghiên cứu này bắt nguồn từ những mối quan tâm trăn trở và những suy ngẫm nghiêm túc về việc lựa chọn ngôn ngữ có chủ đích, đặc biệt là đại từ nhân xưng và động từ tình thái, không chỉ đơn thuần là phương tiện truyền đạt thông tin mà còn là công cụ quyền lực trong việc kiến tạo hệ tư tưởng, định hình các mối quan hệ xã hội, và khẳng định quyền lực chính trị. Sau khi tiến hành nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng mặc dù những đặc điểm ngôn ngữ này đã được thảo luận rộng rãi trong diễn ngôn chính trị, nhưng các khía cạnh ngữ dụng của chúng, đặc biệt là sự tương tác giữa chúng, vẫn chưa được khám phá đầy đủ.

Do đó, nghiên cứu này không chỉ đơn thuần là một phân tích diễn ngôn, mà còn lấp khoảng trống mà tác giả đã xác định trong các nghiên cứu hiện có, khoảng trống liên quan đến việc thiết lập các khái niệm lý thuyết và thực tiễn về dấu hiệu ngữ dụng trong diễn ngôn chính trị. Bằng cách tập trung vào cách các Tổng thống Mỹ từ năm 1997 đến 2025 sử dụng đại từ nhân xưng và động từ tình thái như những dấu hiệu ngữ dụng để phản ánh sự thay đổi trong hệ tư tưởng, quan hệ xã hội và quyền lực, tác giả hy vọng đã đóng góp một góc nhìn mới cho lĩnh vực phân tích diễn ngôn chính trị.

Thesis-related publications

- Ngô Hữu Hoàng & Phạm Hồng Trang (2022). Quán ngữ liên nhân và một số vấn đề về dịch thuật (Trên cú liệu tiếng Việt và tiếng Anh). *Language Journal*, 8(382), pp. 18-27.
- Phạm Hồng Trang & Ngô Hữu Hoàng (2023). I, we, you in 2 political speeches by President Ho Chi Minh and President George Washington. In *2023 International Graduate Research Symposium* (pp. 342-356). Vietnam National University Press. ISBN 978-604-384-167-1.
- Phạm Hồng Trang (2024). Personal pronouns as pragmatic markers in political speeches: A literature review. In *2024 International Graduate Research Symposium* (pp. 107-117). Vietnam National University Press, Hanoi. ISBN 978-604-434-293-1.
- Phạm Hồng Trang & Ngô Hữu Hoàng (2025). The address forms "I," "We," and "You" as pragmatic markers in Joe Biden's presidential inaugural speech: A political discourse analysis. *International Journal of Scientific and Research Publications*, 15(1), pp. 137-143.
<https://doi.org/10.29322/IJSRP.15.01.2025.p15719>
- Phạm Hồng Trang (2025). Pragmatic markers in political discourse. *Journal of Language and Life*, 6B(369), pp. 78-89.